

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Khoản 4 Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Xét các Văn bản của Công ty TNHH Co.op Mart Huế số 02/CV-CMHUE ngày 01/11/2023 về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường; Văn bản số 62/VBGT ngày 15/3/2024 về việc giải trình các nội dung bổ sung, chỉnh sửa trong Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường cơ sở “Siêu thị Co.op Mart Huế” và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 632 ngày 24 tháng 4 năm 2024,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Co.op Mart Huế, địa chỉ văn phòng: Trung tâm thương mại Trường Tiền Plaza, 06 Trần Hưng Đạo, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Cơ sở “Siêu thị Co.op Mart Huế” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Siêu thị Co.op Mart Huế.

1.2. Địa điểm hoạt động: Trung tâm thương mại Trường Tiền Plaza, 06 Trần Hưng Đạo, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH Co.op mart Huế số 3300535435, đăng ký lần đầu ngày 20/3/2008, thay đổi lần thứ 10: ngày

17/02/2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp.

1.4. Mã số thuế: 33300535435.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: kinh doanh tổng hợp.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

Quy mô diện tích sử dụng đất của Cơ sở như sau:

- Diện tích sàn thuê: 7.122m²;

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Co.op Mart Huế có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu bụi, tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ký.

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Chủ cơ sở;
- Trang thông tin điện tử của UBND thành phố;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- Lưu: VT.



Trần Song

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 3883/GPMT-UBND
ngày 04 tháng 5 năm 2024 của UBND thành phố Huế)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt từ các hoạt động rửa tay chân, vệ sinh sàn,...
- Nguồn số 2: Nước thải từ các bồn xí, bồn tiểu.
- Nguồn số 3: Nước thải từ khu vực nhà bếp

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn nước tiếp nhận

Dòng nước thải sau khi xử lý tại hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 70m³/ngày.đêm, đạt QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (Giá trị C_{max}, cột A, K=1) xả thải vào hệ thống thoát nước thải công cộng đường Chương Dương sau đó chảy về sông Hương.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí xả nước thải: cống nước thải đường Chương Dương, phường Đông Ba, thành phố Huế.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: Tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực 107⁰, múi chiều 3⁰:

X (m): 1.821.782,18

Y (m): 562.604,36

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 70m³/ngày (24 giờ);

2.3.1. Phương thức xả nước thải: tự chảy, xả ngầm

2.3.2. Chế độ xả thải: liên tục (24 giờ);

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải, cụ thể như sau:

Stt	Các chất ô nhiễm	Giá trị giới hạn (QCVN 14:2008/BTNMT, Giá trị C _{max} , cột A, K = 1)
1	pH	5 - 9
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	30
3	TSS	50
4	Tổng chất rắn hòa tan	500
5	Sulfua (tính theo H ₂ S)	1
6	Amoni (tính theo N)	5
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	30
8	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	6

9	Dầu mỡ động, thực vật	5
10	Tổng các chất hoạt động bề mặt	5
11	Tổng Coliforms	3.000

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt từ các hoạt động rửa tay chân, vệ sinh sàn... được tách rác sơ bộ sau đó thu gom dẫn về HTXLNT tập trung để xử lý.

- Nước thải từ các bồn xí, bồn tiểu được xử lý bằng bể tự hoại sau đó theo đường ống thoát nước thải cùng với nước thải từ các hoạt động rửa tay chân, vệ sinh sàn... được tách rác sơ bộ sau đó theo đường ống PVC d114mm, dài khoảng 58m dẫn về HTXLNT tập trung để tiếp tục xử lý.

- Nước thải từ khu vực nhà bếp theo mương thoát phía sau khu vực nhà ăn dẫn vào bể tách dầu mỡ sơ bộ sau đó theo đường ống PVC114mm, ống PVC 200mm, dẫn về HTXLNT tập trung để tiếp tục xử lý.

- Nước thải sau xử lý sẽ theo đường ống PVC114mm dài 30m, dẫn ra hệ thống thoát nước thải công cộng trên đường Chương Dương rồi dẫn ra sông Hương.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Theo hồ sơ bản vẽ hoàn công của HTXLNT của cơ sở, nước thải sau khi xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (giá trị C_{max} , cột B, $K=1$). Sau đó, Chủ cơ sở đã bổ sung vật liệu đệm để tăng khả năng xử lý nước thải của HTXLNT. Do đó, sau khi xử lý nước thải đã đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (giá trị C_{max} , cột A, $K=1$).

- Xây dựng hệ thống xử lý nước thải của cơ sở, công suất: 70m³/ngày.đêm.

+ Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải (nguồn số 01, số 02, số 03) → hố thu → bể tách dầu mỡ → bể điều hòa → bể sinh học hiếu khí → bể lắng → bể khử trùng. Nước thải sau khi xử lý đạt quy chuẩn được chảy vào hệ thống thoát nước chung của khu vực rồi dẫn về sông Hương.

* Hóa chất sử dụng: Chlorine

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Cung cấp vật tư, hóa chất cần thiết cho quá trình xử lý nước thải, phân bổ nguồn kinh phí hợp lý hằng năm cho hoạt động vận hành và xử lý nước thải.

- Vận hành hệ thống xử lý liên tục 24/24 để đảm bảo môi trường sống cho vi sinh vật.

- Định kỳ phối hợp với các cơ quan chức năng tiến hành lấy mẫu nước thải trước và sau xử lý để đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý.

- Định kỳ kiểm tra sự rò rỉ và tắc nghẽn các đường ống, bảo trì bảo dưỡng máy móc thiết bị.

- Bố trí lao động có chuyên môn về cấp thoát nước, xử lý nước thải đảm nhận việc theo dõi vận hành hệ thống thu gom, xử lý nước thải để xử lý kịp thời các sự cố xảy ra.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

Phụ lục 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 3889/GPMT-UBND
ngày 04 tháng 5 năm 2024 của UBND thành phố Huế)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Nguồn phát sinh: chủ yếu từ các phương tiện giao thông ra vào Cơ sở; hoạt động kinh doanh, dịch vụ của Cơ sở, hoạt động của hệ thống xử lý nước thải tập trung, máy phát điện dự phòng.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

2.1. Trong phạm vi Cơ sở (có tọa độ trung tâm theo Hệ tọa độ VN 2.000, kinh tuyến trực 107^0 , múi chiều 3^0 :

X (m): 1.821.777,12

Y (m): 562.551,20

2.2. Tại khu vực nhà xe của Cơ sở (có tọa độ trung tâm theo Hệ tọa độ VN 2.000, kinh tuyến trực 107^0 , múi chiều 3^0 :

X (m): 1.821.768,43

Y (m): 562.522,16

2.3. Tại khu vực HTXLNT của Cơ sở (có tọa độ trung tâm theo Hệ tọa độ VN 2.000, kinh tuyến trực 107^0 , múi chiều 3^0 :

X (m): 1.821.791,67

Y (m): 562.587,35

2.4. Tại khu vực đặt máy phát điện dự phòng của Cơ sở (có tọa độ trung tâm theo Hệ tọa độ VN 2.000, kinh tuyến trực 107^0 , múi chiều 3^0 :

X (m): 1.821.754,91

Y (m): 562.525,17

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

Tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;

+ Giá trị giới hạn theo QCVN đối với tiếng ồn như sau:

Stt	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	6 tháng/lần	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

Độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

+ Giá trị giới hạn theo QCVN đối với độ rung như sau:

Stt	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ (dB)	Từ 21-6 giờ (dB)		
1	70	60	6 tháng/lần	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Đặt biển cấm còi xe trong khu vực dự án. Các phương tiện giao thông khi vào bên trong khu vực dự án phải tắt máy và di chuyển, dừng đỗ đúng nơi quy định theo sự phân luồng, hướng dẫn của nhân viên phụ trách.

- Trồng cây xanh theo các mảng bao quanh công trình và dọc đường giao thông nhằm tạo khoảng xanh, đảm bảo môi trường làm việc và đảm bảo điều kiện vi khí hậu, giảm lan truyền tiếng ồn.

- Chân đế, bộ của máy móc, thiết bị được gia cố bằng bê tông, lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su.

- Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, bảo trì các máy móc, thiết bị (kiểm tra độ mòn chi tiết, tra dầu bôi trơn, thay các chi tiết hư hỏng, kiểm tra sự cân bằng của máy móc, thiết bị).

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn và độ rung.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 3829/GPMT-UBND
ngày 04 tháng 5 năm 2024 của UBND thành phố Huế)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

- Chung loại, khối lượng:

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	36	16 01 06
2	Hóa chất và hỗn hợp hóa chất thải có các thành phần nguy hại	Lỏng	20	19 05 02
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	15	18 02 01
4	Bao bì cứng thải bằng kim loại	Rắn	10	18 01 02
5	Hộp chứa mực in thải có thành phần nguy hại	Rắn/lỏng	3	08 02 04
6	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	20	17 02 03
7	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn khác	Rắn/lỏng	10	17 02 04
8	Bao bì cứng thải bằng nhựa đã có chứa CTNH	Rắn	10	18 01 03
9	Bao bì cứng thải bằng các vật liệu khác đã có chứa CTNH	Lỏng	5	18 01 04
10	Pin, ắc quy thải	Rắn	2	16 01 12
11	Bao bì mềm thải có chứa CTNH	Rắn	5	18 01 01
12	Các thiết bị linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị có các linh kiện điện tử	Rắn	10	16 01 03
	Tổng	-	146	

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

- Khối lượng thực tế phát sinh: 300kg/ngày bao gồm: bao bì nilon, thức ăn thừa, hộp giấy.

1.3. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/tháng)	Mã CTRTT
1	Giấy thải bỏ	Rắn	600	18 01 05
2	Bùn thải	Rắn/ bùn	60	12 06 13
3	Bao bì nhựa thải	Rắn	200	18 01 06

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: thùng chứa có nắp đậy

2.1.2. Kho lưu chứa: 01 kho

- Diện tích kho: 8 m² nằm tại phía Nam Cơ sở

- Thiết kế, cấu tạo: Kho có mái che, nền tráng xi măng chống thấm, có biển báo chứa chất thải nguy hại phát sinh.

2.2. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: thùng chứa có nắp đậy

2.2.2. Khu vực tập kết: nằm ở hướng Tây Nam Cơ sở

2.3. Công trình, biện pháp xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: thùng chứa có nắp đậy

2.3.2. Kho lưu chứa: 01 kho

- Diện tích kho: 10 m² nằm tại phía Nam Cơ sở

- Thiết kế, cấu tạo: Kho có mái che, tường bao xung quanh, nền bê tông

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Các biện pháp phòng chống cháy nổ

- Trang bị đầy đủ các thiết bị, phương tiện phòng cháy chữa cháy theo quy định.

- Tuyên truyền, huấn luyện, phổ biến và giáo dục các kiến thức về phòng chống cháy nổ (PCCN) cho cán bộ công nhân viên.

- Thành lập lực lượng PCCN và xây dựng phương án PCCN tại chỗ, tổ chức diễn tập định kỳ để khi có sự cố thì ứng phó kịp thời, có hiệu quả.

- Tiến hành kiểm tra, đôn đốc và nhắc nhở việc thực hiện các quy định an toàn về PCCN trong quá trình hoạt động của Cơ sở.

Trường hợp xảy ra sự cố, Chủ cơ sở sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- Báo động cho toàn bộ Cơ sở;

- Tắt tất cả các thiết bị điện trong phạm vi Cơ sở;

- Huy động lực lượng sử dụng trang thiết bị PCCC tại chỗ để dập tắt đám cháy;

- Nếu đám cháy không được dập tắt, lan rộng, Chủ cơ sở sẽ liên lạc với đơn vị PCCC để nhờ sự hỗ trợ.

2. Các biện pháp vệ sinh an toàn, thực phẩm

- Tổ chức ăn uống hợp vệ sinh và được kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm thường xuyên;
- Vệ sinh khu vực nhà ăn hằng ngày, thu gom chất thải đúng nơi quy định, thu gom xử lý hằng ngày;
- Tập huấn kiến thức về an toàn vệ sinh thực phẩm, các bệnh truyền nhiễm, khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ công nhân viên.

3. Sự cố trong quá trình sử dụng tầng hầm

- Xây dựng tầng hầm theo hướng thu gió tự nhiên, tận dụng thiết kế thông thoáng để không khí lưu thông dễ dàng.
- Nhân viên làm việc tại tầng hầm được bố trí gần khu vực miệng hầm, nơi có sự cố thông thoáng khí tốt nhất trong tầng hầm.
- Tuyên truyền, phổ biến cho cán bộ, công nhân kiến thức về phòng ngừa, ứng phó sự cố ngộ độc khí và biện pháp sơ cứu, cấp cứu khi xảy ra sự cố.